

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 156/2020/HS-ST

Ngày: 03-6-2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Liên.

Ông Lê Quang Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2020/TLST-HS ngày 17-4-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2020/QĐXXST-HS ngày 18-5-2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Mỹ L, sinh năm 1993 tại tỉnh Hà Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 2, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mỹ T và bà Trần Thị C; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 16-3-2018 Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (ra trại ngày 16-9-2018); tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 02 năm 2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số nhà 17/157 đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định (chị L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24-02-2020, Trần Mỹ L một mình điều khiển xe đạp mini màu đỏ đi từ nhà đến khu vực ngõ 157 đường T, phường H, thành phố N mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi L đi đến trước cửa số nhà 17/157 đường T, thành phố N phát hiện ngôi nhà này đang xây dựng, phía sát tường bên trong khu đất trống đối diện ngôi nhà trên chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1980, trú tại: 17/157 đường T, thành phố N) có dựng 01 chiếc cổng bằng kim loại màu ghi, hình chữ nhật kích thước (1,9 x 1,15) mét, trọng lượng 45 kg (đã qua sử dụng). Quan sát xung quanh không có người, L quay ra đầu ngõ giấu chiếc xe đạp ở trước cửa số nhà 01/157 đường Thanh Bình, quay vào trong ngõ lên lút bê chiếc cổng trên rồi nhanh chóng đi về phía dựng xe đạp để tẩu thoát. Khi L bê chiếc cổng đi được khoảng 10 mét thì bị chị L phát hiện, hô hoán cùng quần chúng nhân dân bắt quả tang L cùng vật chứng. Sau đó chị L đã trình báo Công an phường L, thành phố N. Công an phường L đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật và thu giữ của L xe đạp mini màu đỏ đã cũ cùng chiếc cổng sắt trên.

Tại Cơ quan điều tra: L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố N kết luận chiếc cổng sắt L đã trộm cắp trên có trị giá 238.500 đồng. Sau khi định giá Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị L, chị L nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác.

Bản Cáo trạng số 127/CT-VKSTPND ngày 17-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Trần Mỹ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Mỹ L xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Mỹ L theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Mỹ L phạm tội “Trộm cắp tài sản.
 - Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Mỹ L từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.
 - Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại Trần Mỹ L chiếc xe đạp mini màu đỏ đã cũ nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.
 - Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Mỹ L có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 24-02-2020 lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L 01 chiếc cổng sắt có trị giá 238.500 đồng tại khu đất trống đối diện số nhà 17/157 đường T, phường H, thành phố N. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố N; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị 238.500 đồng, tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”. Việc truy tố và

đưa ra xét xử bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Mỹ L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe đạp mini màu đỏ đã cũ là tài sản riêng của bị cáo, xét không phải là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự: Bị cáo Trần Mỹ L bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng

hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Trần Mỹ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Mỹ L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 24 tháng 02 năm 2020.

2. Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo chiếc xe đạp mini màu đỏ đã cũ nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Về án phí.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Mỹ L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Mỹ L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Tòa án ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

